

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 488/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)

Tên chương trình: Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứngMã số: 7510605

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chương trình đào tạo (PO)

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics and Supply Chain Management) trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng chuyên môn vững chắc trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Chương trình cung cấp cho người học kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng để giải quyết hiệu quả các thách thức thực tiễn trong kinh doanh, từ đó trở thành những nhà quản trị chuyên nghiệp trong các tổ chức. Ngoài ra, chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng còn giúp người học phát triển khả năng sáng tạo, trách nhiệm, thích ứng với môi trường kinh doanh hiện đại, trong bối cảnh khu vực và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, từ đó tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể của CTĐT

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO1	Người học có khả năng trở thành quản lý, chuyên gia tại các doanh nghiệp/tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước về lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, cũng như các lĩnh vực có liên quan.
PO2	Người học đạt được các kỹ năng nghiên cứu cần thiết, có khả năng đề xuất các ý tưởng/chương trình nghiên cứu khoa học, có tư duy hệ thống để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, cũng như các lĩnh vực có liên quan trong bối cảnh toàn cầu hóa.
PO3	Người học có ý thức học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa quốc gia, có ý thức trách nhiệm với

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
	bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

*** Bảng đối sánh Mục tiêu CTĐT với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường và Khung trình độ quốc gia Việt Nam**

Bảng đối sánh mục tiêu CTĐT (PO) với sứ mạng, tầm nhìn của Trường

Sứ mạng, tầm nhìn của trường	PO1	PO2	PO3
Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.	X	X	X
Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.	X	X	X

Bảng đối sánh mục tiêu CTĐT (PO) với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

Mục tiêu CTĐT (PO)	Khung trình độ Quốc gia Việt Nam														
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
PO1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO2						X	X	X	X	X	X				
PO3							X					X		X	X

Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

Ký hiệu	Kiến thức	Ký hiệu	Kỹ năng	Ký hiệu	Mức tự chủ và trách nhiệm
1.1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	2.1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp	3.1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
1.2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	2.2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác	3.2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định
1.3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	2.3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	3.3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
1.4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	2.4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong	3.4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hiệu quả hoạt động.

Ký hiệu	Kiến thức	Ký hiệu	Kỹ năng	Ký hiệu	Mức tự chủ và trách nhiệm
			nhóm		
1.5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	2.5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.		
		2.6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam		

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	PIs
Kiến thức	
PLO 1: Vận dụng (Apply) kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc liên quan đến ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	PI 1.1. Vận dụng (Apply) kiến thức khoa học xã hội trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc trong lĩnh vực logistics và Quản lý chuỗi cung ứng PI 1.2. Vận dụng (Apply) kiến thức khoa học tự nhiên trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc trong lĩnh vực logistics và Quản lý chuỗi cung ứng PI 1.3. Vận dụng (Apply) kiến thức chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.
PLO 2: Lựa chọn (Select) các chiến lược, phương án quản trị Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phù hợp với bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp.	PI 2.1. Lựa chọn (Select) các chiến lược quản trị hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phù hợp với bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp. PI 2.2. Lựa chọn (Select) các phương án quản trị hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phù hợp với bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp
PLO 3: Đánh giá (Evaluate) quá trình vận hành và chiến lược quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đảm bảo các nguyên tắc quản trị và phát triển bền vững.	PI 3.1. Đánh giá (Evaluate) quá trình vận hành hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đảm bảo các nguyên tắc quản trị và phát triển bền vững. PI 3.2. Đánh giá (Evaluate) chiến lược quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đảm bảo các nguyên tắc quản trị và phát triển bền vững.
PLO 4: Đề xuất (Recommend) các biện pháp nhằm tối ưu hóa hiệu suất vận hành các quy trình quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.	PI 4.1. Đề xuất (Recommend) các biện pháp cải tiến hiệu quả của các quy trình quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. PI 4.2. Đề xuất (Recommend) các biện pháp tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực trong các quy trình quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.
Kỹ năng	
PLO 5: Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng hợp	PI 5.1. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá (Sinh viên tốt nghiệp đạt chứng chỉ

Chuẩn đầu ra (PLOs)	PIs
Kiến thức	
tác, làm việc nhóm và tư duy phản biện để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.	MOS $\geq$ 700/1000 điểm hoặc chứng chỉ/chứng nhận tin học tương đương ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao). PI 5.2. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa (Sinh viên tốt nghiệp đạt năng lực tiếng Anh trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương). PI 5.3. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng mềm để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.
PLO 6: Tổ chức (Organize) sử dụng và điều phối nguồn lực cho các nhiệm vụ và mục tiêu xác định.	PI 6.1. Tổ chức (Organize) sử dụng nguồn lực cho các nhiệm vụ và mục tiêu xác định. PI 6.2. Tổ chức (Organize) điều phối nguồn lực cho các nhiệm vụ và mục tiêu xác định.
PLO 7: Thực hiện (Perform) chính xác các quy trình, nghiệp vụ quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.	PI 7.1. Thực hiện (Perform) chính xác các quy trình quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. PI 7.2. Thực hiện (Perform) chính xác các nghiệp vụ quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.
PLO 8: Nghiên cứu (Integrate) khoa học mang tính ứng dụng gắn liền với thực tiễn doanh nghiệp và sự phát triển ngành trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu.	PLO 8.1: Nghiên cứu (Integrate) khoa học mang tính ứng dụng gắn liền với thực tiễn doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu. PLO 8.2: Nghiên cứu (Integrate) khoa học mang tính ứng dụng gắn liền với sự phát triển ngành trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 9: Tuân thủ (Obey) các qui định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; Hình thành (Perform) ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.	PI 9.1. Tuân thủ (Obey) các qui định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. PI 9.2. Hình thành (Perform) ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

*** Bảng đối sánh Chuẩn đầu ra (PLOs) với Mục tiêu đào tạo (PO)**

Nội dung PLO	PO1	PO2	PO3
PLO 1: Vận dụng (Apply) kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc (liên quan đến ngành nghề được đào tạo)	X		X
PLO 2: Lựa chọn (Select) các chiến lược, phương án quản trị Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phù hợp với bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp.	X		
PLO 3: Đánh giá (Evaluate) quá trình vận hành và chiến lược quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đảm bảo các nguyên tắc quản trị và phát triển bền vững.	X		
PLO 4: Đề xuất (Recommend) các biện pháp nhằm tối ưu hóa hiệu suất vận hành các quy trình quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.	X	X	
PLO 5: Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và tư duy phản biện để	X	X	X

Nội dung PLO	PO1	PO2	PO3
sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.			
PLO 6: Tổ chức (Organize) sử dụng và điều phối nguồn lực cho các nhiệm vụ và mục tiêu xác định.	X	X	
PLO 7: Thực hiện (Perform) chính xác các quy trình, nghiệp vụ quản trị hoạt động logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.	X	X	
PLO 8: Nghiên cứu (Integrate) khoa học mang tính ứng dụng gắn liền với thực tiễn doanh nghiệp và sự phát triển ngành trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu.	X	X	X
PLO9: Tuân thủ (Obey) các qui định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; hình thành (formulate) ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.	X		X

3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, người học sau tốt nghiệp có thể làm việc tại rất nhiều các vị trí công việc khác nhau từ nhân viên đến các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao trong các tổ chức, doanh nghiệp trong nước đến các công ty đa quốc gia hoặc thực hiện các dự án khởi nghiệp, nhóm lại thành một số nhóm vị trí việc làm như sau:

- Lập kế hoạch và điều phối logistics tại các nhà máy sản xuất, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất và giảm thiểu chi phí vận hành;
- Quản lý chuỗi cung ứng tại các tập đoàn bán lẻ, doanh nghiệp toàn cầu, giúp đảm bảo hàng hóa được cung cấp đúng thời gian, đúng chất lượng và chi phí hợp lý;
- Phân tích dữ liệu và tối ưu hóa quy trình vận hành tại các công ty cung cấp dịch vụ logistics, nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới như AI và blockchain trong việc theo dõi và quản lý chuỗi cung ứng;
- Chuyên viên quản lý kho và phân phối tại các công ty vận tải biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và hàng không, đảm bảo việc vận chuyển hàng hóa diễn ra nhanh chóng và hiệu quả;
- Giám sát hoạt động tại các cảng biển, ICD (Trung tâm phân phối hàng hóa nội địa), cảng hàng không, kiểm soát và tối ưu hóa các hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu;
- Quản lý vận tải quốc tế và giao nhận tại các công ty vận tải, đại lý vận tải, giúp điều phối các lô hàng xuyên quốc gia và đảm bảo tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng;
- Chuyên gia tư vấn logistics tại các công ty tư vấn, cung cấp các giải pháp tối ưu hóa chuỗi cung ứng cho khách hàng trong nhiều lĩnh vực, từ bán lẻ, sản xuất đến thương mại điện tử;
- Nhà quản lý chuỗi cung ứng trong ngành công nghiệp sản xuất và chế biến, đảm bảo nguồn cung nguyên liệu, sản phẩm phụ và phân phối thành phẩm hiệu quả và tiết kiệm chi phí;
- Chuyên viên quản lý dự án logistics tại các công ty đầu tư, phát triển dự án hạ tầng logistics, bao gồm các dự án xây dựng kho bãi, hệ thống phân phối hay các tuyến vận tải;
- Các vị trí quản lý cấp cao trong các doanh nghiệp lớn, như giám đốc chuỗi cung ứng, giám đốc logistics, giúp chỉ đạo toàn bộ hoạt động logistics và chuỗi cung ứng, phát triển chiến

lược dài hạn;

Ngoài ra, các cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng còn có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước chuyên quản lý ngành logistics, các tổ chức quốc tế về vận tải, thương mại, hay các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Việc mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa và các mô hình quản lý hiện đại cũng tạo ra nhiều cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực mới như logistics xanh, logistics trong thương mại điện tử hay chuỗi cung ứng bền vững.

4. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh chung của Trường và của Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thiết kế thực hiện trong thời gian 4 năm, mỗi năm học có 2 học kỳ. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, với nhiều hình thức giảng dạy được vận dụng để đáp ứng các đặc thù của từng học phần thông qua các phương pháp giảng dạy tích cực và phương pháp học tập chủ động như: học tập dựa trên dự án, học tập trải nghiệm, học với chuyên gia; với nhiều mô hình lớp học như lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), đào tạo kết hợp (Blended Learning).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được tốt nghiệp khi:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (126 TC);
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa đạt từ 5,00 trở lên theo thang điểm 10;
- Có các chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm, giáo dục Quốc phòng - An ninh theo quy định, chứng chỉ/chứng nhận ngành, có kết quả đạt học phần Giáo dục thể chất;
- Có đủ số ngày công tác xã hội, hoàn thành nghĩa vụ học phí và các khoản ngoài học phí: ký túc xá, thư viện, đoàn phí và các khoản khác (nếu có).

6. Điều kiện đảm bảo chất lượng của ngành

6.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

a) Nguồn lực chung của Trường

Trụ sở chính của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tọa lạc tại: Đường Nguyễn Khuyến, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nhà trường với tổng diện tích 76.130 m², diện tích xây dựng hiện hữu là 47.370 m², gồm các công trình: giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; trung tâm Ngoại ngữ - Tin học; khu Ký túc xá; Khu Thể thao; Khu hiệu bộ hành

chính và các công trình phụ trợ khác như khu căn tin, bãi giữ xe, công viên, hồ bơi... Môi trường học tập khang trang, hiện đại, đầy đủ tiện nghi, bên cạnh đó, môi trường sinh thái xanh, sạch, đẹp không chỉ đáp ứng cho việc dạy, việc học mà còn phục vụ các hoạt động thể dục thể thao, vui chơi, giải trí của người dạy và người học.

Phòng học lý thuyết và thực hành với sức chứa khác nhau nhằm đáp ứng không gian cho các lớp học một cách hiệu quả: Phòng học từ 50 - 100 chỗ (40 phòng), phòng học dưới 50 chỗ (49 phòng), phòng học đa phương tiện (01 phòng) và 24 cabin ngoại ngữ đáp ứng hiệu suất học tập của sinh viên.

Nhà trường có 01 Hội trường lớn với sức chứa 800 chỗ, 01 Hội trường nhỏ với sức chứa 200 chỗ và Thư viện với thiết kế hiện đại, sang trọng không những là nơi học tập lý tưởng mà còn là nơi tổ chức các hội thảo, hội nghị mang tầm quốc tế.

Cơ sở vật chất của Nhà trường luôn được chú trọng đầu tư và cải tạo, nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất cho công tác giáo dục nói chung và sự phát triển của Nhà trường nói riêng, mang lại hiệu quả tốt nhất cho nguồn lực tương lai của xã hội, đất nước.

Ký túc xá DNTU – Tòa nhà D: Nằm trong khuôn viên Nhà trường, cách Trung tâm Thư viện 50m; Trung tâm tổ chức Sự kiện 100m; Cách Trung tâm Thực hành 100m; Khu Tích hợp 120m rất thuận tiện cho sinh viên lưu trú, học tập, thực hành, sinh hoạt vui chơi thể thao. Phía Đông giáp đường đi khu dân cư KP 5A, phía Tây giáp sân thể thao bóng rổ, cầu lông, bóng chuyền, phía Nam giáp Nhà để xe và sân bóng đá, phía Bắc giáp đường đi khu dân cư Phú Gia 2. Tổng diện tích sàn 5181m² tầng trệt là Canteen, tầng D2, D3 dành cho sinh viên nữ; Tầng D4, D5 dành cho sinh viên nam. Tổng số phòng ở 80 phòng; Diện tích mỗi phòng 32 m², sắp xếp 07 vị trí, mỗi vị trí có giường, bàn học, tủ treo đồ, tủ đựng đồ, kệ sách, phía sau là ban công, Toilet không gian rộng thoáng đảm bảo vệ sinh, hành lang rộng 3m, cầu thang phía Đông và phía Tây thuận tiện di chuyển đi lại. Đáp ứng được từ 85% đến 100% nhu cầu sinh viên đăng ký lưu trú. Hệ thống điện đảm bảo an toàn: Cầu giao tổng lắp đặt cạnh cầu thang tầng trệt, các tầng đều có cầu giao riêng lắp đặt ngay ban công chiếu nghỉ. Hệ thống nước máy cung cấp đến các phòng sinh viên đảm bảo vệ sinh, an toàn. Công tác an ninh trật tự, PCCC được duy trì đảm bảo tốt.

Phòng thực hành và thí nghiệm: Ngoài các cơ sở vật chất đã nêu trên, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai còn có các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, chuyên dụng sau:

Phòng mô phỏng nghiệp vụ dành cho sinh viên ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, phòng thực hành Nhà hàng khách sạn.

Phòng thực hành Thiết kế đồ họa và Truyền thông đa phương tiện dành cho sinh viên ngành Thiết kế đồ họa và Truyền thông đa phương tiện.

Phòng cabin sử dụng thi tiếng anh và 15 phòng học tiếng anh chuyên dụng cho ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

b) Nguồn lực đặc thù của ngành

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	
1	Phòng thực hành máy tính	1	90	Laptop	90	Tin học 1 Tin học 2 E-logistics Quản trị vận hành	

6.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 3.123 m²; Diện tích phòng đọc: 417 m²
- Số chỗ ngồi: 500;
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: 01
- Thư viện điện tử: 01
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu trong nước: 01 CSDL
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu quốc tế (hoặc dự kiến): 02 CSDL
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 10.565 đầu tài liệu.

6.3. Đội ngũ giảng viên

- Đội ngũ Giảng viên đáp ứng giảng dạy Chương trình đào tạo

PHẦN B: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ.

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 51 tín chỉ, chiếm 40,48 %.

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 75 tín chỉ, chiếm 59,52%.

2. Cấu trúc chương trình dạy học

2.1 Cấu trúc theo khối kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
				Tổng	LT	TH	KL	TT	TC			
I.	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		51	780	690	90	0	0	45/6			
I.0.	Ngoài khung		13	550	250	300	0	0	10/3			
1	TN70020	Nhập môn AI	1	15	15	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	CB70107	Hiểu biết về DNTU	1	15	15	0	0	0	BB	Không	Không	Không
3	TA70301	Key English 1	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
4	TA70302	Key English 2	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	TA70301
5	TA70303	Key English 3	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	TA70302
6	TA70304	English Speaking Community	2	30	30	0	0	0	BB	Không	TA70301 TA70302 TA70303	Không
7	CB71401	Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội	1	30	0	30	0	0	BB	Không	Không	Không
8	CB71402	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá	1	30	0	30	0	0	TC	Không	Không	CB71401
9	CB71403	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền	1	30	0	30	0	0	TC	Không	Không	CB71401
10	CB71404	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông	1	30	0	30	0	0	TC	Không	Không	CB71401
11	CB71405	Giáo dục thể chất 3 – Fitness	1	30	0	30	0	0	TC	Không	Không	GDTC2
12	CB71406	Giáo dục thể chất 3 – Dancesport	1	30	0	30	0	0	TC	Không	Không	GDTC2
13	CB71407	Giáo dục thể chất 3 – Bóng rổ	1	30	0	30	0	0	TC	Không	Không	GDTC2

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
				Tổng	LT	TH	KL	TT				
14	CB71408	Giáo dục thể chất 3 – Võ thuật	1	30	0	30	0	0	TC	Không	Không	GDTC2
15	CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
16	CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
17	CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1	30	0	30	0	0	BB	Không	Không	Không
18	CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2	60	0	60	0	0	BB	Không	Không	Không
I.1.	Kiến thức chính trị, pháp luật		13	195	195	0	0	0	13/0			
1	CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
3	CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
4	CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
5	CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
6	CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
I.2.	Kiến thức toán và khoa học tự nhiên (tư duy)		6	90	90	0	0	0	6/0			
1	CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	CB70201
I.3.	Kiến thức khoa học xã hội & nhân văn		4	60	60	0	0	0	0/4			
1	CB71101	Môi trường và PTBV	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
2	CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
3	CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
4	CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
5	CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
6	CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
I.4.	Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ		16	240	240	0	0	0	16/0			
1	TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
				Tổng	LT	TH	KL	TT				
2	TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	TA70305
3	TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	TA70306
4	TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	TA70307
I.5.	Kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin		4	105	15	90	0	0	4/0			
1	CB70301	Tin học 1	2	45	15	30	0	0	BB	Không	Không	Không
2	CB70302	Tin học 2	2	60	0	60	0	0	BB	Không	Không	CB70301
I.6.	Kỹ năng mềm, đạo đức nghề nghiệp		8	90	90	0	0	0	6/0			
1	CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0	0	0	BB	Không	Không	Không
3	CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0	0	0	BB	Không	Không	Không
4	CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
5	CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
II.	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		75	1590	1020	240	0	210	57/20			
II.1.	Kiến thức cơ sở ngành		24	390	360		0	0	7/2			
1	LG70001	Nhập môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
3	QT70003	Nguyên lý Quản trị	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
4	QT70004	Nguyên lý Marketing	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
5	KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
6	QT70005	Pháp luật về kinh doanh	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	CB70106
7	CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
8	QT71001	Trách nhiệm xã hội	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
9	LG71001	Địa lý vận tải	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
10	LG71002	Tổ chức khai thác ga, cảng	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
				Tổng	LT	TH	KL	TT				
11	LG71003	Phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
II.2.	Kiến thức ngành		39	690	480	120	0	90	12/2			
1	LG70002	E-logistics	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	LG70003	Quản trị logistics	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
3	LG70004	Quản trị chiến lược Logistics	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
4	LG70005	Quản trị trung tâm phân phối	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
5	LG70006	Quản trị dự án Logistics và chuỗi cung ứng	3	60	30	30	0	0	BB	Không	Không	KT70101
6	LG70007	Kinh tế vận tải & Logistics	3	60	30	30	0	0	BB	Không	Không	Không
7	LG70008	Thực tập chuyên ngành	3	90	0	0	0	90	BB	Không	Không	Không
8	QT70009	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	LG70001
9	QT70013	Quản trị vận hành	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	CB70201
10	LG70009	Vận tải đa phương thức	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
11	LG70010	Kho bãi & Xử lý vật liệu (quản lý kho hàng và hàng tồn kho-warehousing and inventory management)	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	LG70005
12	LG70011	Logistics quốc tế	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	LG70003
13	LG71004	Quản trị mua hàng	3	60	30	30	0	0	TC	Không	Không	Không
14	QT71011	Nghiệp vụ hải quan	3	60	30	30	0	0	TC	Không	Không	Không
15	QT71012	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	30	0	0	TC	Không	Không	TA70308
16	LG71005	Bảo hiểm vận tải	3	60	30	30	0	0	TC	Không	Không	Không
17	LG71006	Logistics hàng không	3	45	45	0	0	0	TC	Không	Không	Không
II.3.	Kiến thức chuyên ngành		12	420	180	120	0	120	12/0			
1	LG70012	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	0	0	120	BB	Không	Không	LG70004 LG70005 LG70006 LG70008 LG70009

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
				Tổng	LT	TH	KL	TT				
2	LG70013	Khóa luận tốt nghiệp	8	120	120	0	0	0	KLTN	Không	Không	LG70006 LG70010 LG71012
3	LG70014	Quản trị đổi mới trong kinh doanh logistic và chuỗi cung ứng	4	90	30	60	0	0	HBS	Không	Không	LG71012 LG70010 LG71012
4	LG70015	Thiết kế mô hình kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng	4	90	30	60	0	0	HBS	Không	Không	LG70006 LG70010 LG71012
TỔNG			126	2250	1710	330	0	210				

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá (Theo TT 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021)

- **LT: lý thuyết** (Giảng dạy trực tiếp trên lớp hoặc qua MS Team. Tùy thuộc vào phương pháp dạy - học, hoạt động giảng dạy trên lớp hoặc qua MS Team gồm các hình thức như: giảng bài, thảo luận nhóm, sửa bài tập, thuyết trình....). 1 TC lý thuyết tính bằng 15 giờ lên lớp, thời gian còn lại của giờ tín chỉ sử dụng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.

- **TH: thực hành** (Thực hiện tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm; làm đồ án, dự án tại lớp; học mô phỏng, học thực hành tại các phòng thực hành chuyên biệt như: phòng mô phỏng, phòng piano, phòng sân khấu kịch, phòng phim trường, phòng studio, phòng lab...). 1 TC thực hành bằng 30 giờ lên lớp, thời gian còn lại của giờ tín chỉ sử dụng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.

- **TT: thực tế** (đi kiến tập, thực tập, đi tour, đi thực địa ngoài Trường). 1 TC thực tế bằng 45 giờ - 60 giờ thực hành (tính theo giờ hành chính) tại cơ sở thực tế, bao gồm cả cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.

- **Viết tắt:** BB/TC: học phần bắt buộc hay tự chọn; TQ: học phần tiên quyết; SH: học phần song hành; HT: học phần học trước

4. Phương pháp đánh giá

Mô tả các phương pháp đánh giá CTĐT áp dụng

STT	Phương pháp đánh giá	Định nghĩa	Kỳ thi áp dụng	Yêu cầu rubric	Ghi chú
1	Trắc nghiệm	Là bài kiểm tra bao gồm các câu hỏi nhiều lựa chọn, người học phải hoàn thành trong thời gian nhất định. Bài kiểm tra có thể thực hiện trên giấy hoặc trên hệ thống học trực tuyến.	Thường kỳ Cuối kỳ	Không	Bài thi trắc nghiệm áp dụng cho các môn lý thuyết đại cương (như môn pháp luật đại cương, môn lý luận chính trị, toán cao cấp...). Hình thức trắc nghiệm có thể kết hợp với hình thức tự luận để áp dụng cho cuối kỳ, với điều kiện tỷ trọng điểm trắc nghiệm không vượt quá 50% tổng điểm của bài thi.
2	Vấn đáp	Là bài kiểm tra trực tiếp tại phòng thi. Người học sẽ trình bày và trả lời các câu hỏi của giảng viên theo chủ đề cho trước.	Thường kỳ Cuối kỳ	Có	
3	Tiểu luận/Bài tập lớn	Là bài kiểm tra cá nhân/nhóm mà trong đó giảng viên giao chủ đề cho người học thực hiện tại lớp hoặc ngoài giờ lên lớp/ở nhà. Sản phẩm để đánh giá là bài tiểu luận (tập tin hoặc bản giấy).	Thường kỳ Cuối kỳ	Rubric cá nhân/nhóm	
4	Thuyết trình	Là bài kiểm tra cá nhân/nhóm mà trong đó giảng viên giao chủ đề cho người học thực hiện tại nhà. Sản phẩm để đánh giá là slide/video thuyết trình, trình bày và hỏi vấn đáp tại lớp	Thường kỳ Cuối kỳ	Rubric cá nhân/nhóm	Với các môn được thiết kế để giúp người học hình thành kỹ năng thuyết trình thì được áp dụng hình thức này cho cuối kỳ.
5	Tự luận	Là bài kiểm tra đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề hoặc đưa ra kết luận.	Thường kỳ Cuối kỳ		Bài kiểm tra tự luận có thể áp dụng cho đánh giá thường kỳ đo lường mức độ hiểu và vận dụng của người học được thực hiện trên giấy hoặc trên hệ thống học trực tuyến.
6	Kiểm tra thực địa/ thực tế	Là bài kiểm tra dành cho người học trong các trường hợp cụ thể hoặc nhiệm vụ cụ thể ở nơi làm việc, hoặc	Thường kỳ Cuối kỳ	Có	

STT	Phương pháp đánh giá	Định nghĩa	Kỳ thi áp dụng	Yêu cầu rubric	Ghi chú
		là bài kiểm tra đánh giá các kỹ năng và khả năng của người học (đặc biệt chú trọng sự thể hiện chuyên nghiệp) tại nơi làm việc trong một thời gian nhất định.			
7	Báo cáo	Là bài kiểm tra cá nhân/nhóm giảng viên giao chủ đề cho người học thực hiện tại nhà hoặc tại doanh nghiệp. Sản phẩm để đánh giá là bài nộp (tập tin hoặc bản giấy).	Cuối kỳ	Có	
8	Khóa luận nghiệp	Người học thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định và yêu cầu của Nhà trường	Cuối khóa	Có	

PHẦN C: CHƯƠNG TRÌNH KHÁC TRONG KHÓA HỌC

1. Chương trình trải nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH KIẾN TẬP DOANH NGHIỆP DÀNH CHO SINH VIÊN NĂM NHẤT

Nội dung: Tham quan, khám phá hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp có quy mô lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và khu vực lân cận. Sau khi kết thúc, sinh viên sẽ nắm được các kiến thức thực tế về bộ máy tổ chức doanh nghiệp, quy trình sản xuất, hệ thống quản lý kho bãi, nhà xưởng và các giải pháp bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH HỌC NGOẠI KHOA THEO HỌC PHẦN

Để tăng cường kiến thức thực tế theo từng chuyên ngành chuyên sâu, sinh viên sẽ được giảng viên tổ chức đi tham quan, học hỏi trực tiếp các nội dung liên quan đến học phần ngay tại các doanh nghiệp và được các cán bộ quản lý tại doanh nghiệp trao đổi, hướng dẫn. Các học phần dự kiến trong chương trình được tổ chức đi ngoại khoá gồm:

- Nhập môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;
- Quản trị chuỗi cung ứng;
- Quản trị trung tâm phân phối;
- Quản trị vận hành.

Hoạt động trải nghiệm tại doanh nghiệp không chỉ giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế mà còn phát triển kỹ năng thực hành và khả năng tương tác trong môi trường doanh nghiệp. Đồng thời, việc trực tiếp tiếp cận các bài toán và thách thức trong lĩnh vực chuyên ngành sẽ mang lại trải nghiệm độc đáo và giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp sau này.

2. Chương trình phục vụ cộng đồng

CHƯƠNG TRÌNH 1: CÁC CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN XÃ HỘI (THƯỜNG KỲ)

Nội dung: Sinh viên được sắp xếp để tham gia hoặc trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ tổ chức trong khuôn khổ các hoạt động tình nguyện, như dọn dẹp khu vực cộng đồng, giảng dạy tại các trung tâm học tập cho trẻ em, hoặc hỗ trợ các tổ chức từ thiện. Hoạt động này không chỉ tạo cơ hội cho sinh viên tận dụng kỹ năng và tri thức của mình để phục vụ cộng đồng, mà còn giúp sinh viên chủ động xây dựng và củng cố các mối quan hệ xã hội. Hơn nữa, việc tham gia vào các hoạt động này đồng nghĩa với việc sinh viên làm giàu thêm cho bản thân mình những trải nghiệm thực tế, đồng thời còn làm phát triển tinh thần nhân đạo, phản ánh truyền thống “Thương người như thể thương thân” trong văn hóa dân tộc Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH 2: CUỘC THI TÌM KIẾM GIẢI PHÁP KINH DOANH XANH VÀ BỀN VỮNG

Sinh viên được khuyến khích tham gia vào cuộc thi tìm kiếm các giải pháp kinh doanh có hướng xanh và bền vững, nơi mà họ được thách thức đề xuất các phương án hoặc dự án

kinh doanh mà đảm bảo sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế, môi trường, và xã hội. Sinh viên sẽ được đánh giá dựa trên một loạt các tiêu chí, bao gồm khả năng tạo ra giá trị kinh tế, tiềm năng tác động tích cực đối với xã hội và môi trường, khả năng thực hiện các ứng dụng thực tế, và mức độ sáng tạo trong việc đề xuất và triển khai các giải pháp. Đây là một cơ hội để sinh viên kết hợp kiến thức chuyên sâu về kinh doanh với sự cam kết đối với các giá trị bền vững và trách nhiệm xã hội trong quá trình phát triển và thực hiện dự án của mình.

CHƯƠNG TRÌNH 3: TỔ CHỨC CÁC BUỔI CHIA SẺ HÀNH TRÌNH TRỞ THÀNH SINH VIÊN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Chương trình này nhằm mục đích tạo cơ hội cho sinh viên trực tiếp tương tác và chia sẻ kinh nghiệm với học sinh lớp 12 tại các trường Trung học Phổ thông (THPT) trên địa bàn tỉnh. Nội dung của chương trình xoay quanh việc cung cấp thông tin và kỹ năng cần thiết để hỗ trợ học sinh chuẩn bị cho giai đoạn trở thành sinh viên đại học.

Sinh viên sẽ tiếp cận và liên hệ trực tiếp với các cơ sở Đoàn thanh niên tại các trường THPT để tổ chức các buổi "Talk show". Các buổi chia sẻ này sẽ tập trung vào việc trình bày và thảo luận về những thách thức và cơ hội mà học sinh sắp bước vào khi bắt đầu chặng đường đại học. Các nội dung chia sẻ chính bao gồm: Môi trường học tập đại học; Lựa chọn chuyên ngành và sự nghiệp; Kỹ năng mềm và quản lý sự kiện; Tư duy sáng tạo và tận dụng cơ hội.

3. Chương trình tiềm năng/phát triển năng lực

CHƯƠNG TRÌNH 1: SINH HOẠT CHUYÊN ĐỀ VỀ VĂN HOÁ ỨNG XỬ VÀ TÁC PHONG LÀM VIỆC (HÀNG KỲ)

Chương trình này cung cấp cho sinh viên cơ hội học hỏi về các nguyên tắc văn hóa ứng xử và tác phong làm việc quan trọng để họ có thể tự tin và hiệu quả trong sự nghiệp tương lai. Qua các buổi sinh hoạt và hoạt động thực hành, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng những kỹ năng mới vào cuộc sống hàng ngày và môi trường làm việc. Chương trình cũng tập trung vào việc đánh giá và phản hồi cá nhân để giúp sinh viên không chỉ nhận thức về những điểm mạnh mà còn khám phá và cải thiện những khía cạnh cần phát triển. Đồng thời, thông qua việc tham gia các hoạt động nhóm và trò chơi, sinh viên sẽ có cơ hội tương tác, chia sẻ ý kiến và xây dựng kỹ năng giao tiếp hiệu quả. Chương trình này cam kết đóng góp vào việc hình thành và phát triển những thế hệ sinh viên không chỉ có kiến thức chuyên ngành mà còn có phẩm chất và tác phong làm việc xuất sắc.

Đơn vị tổ chức: Đoàn thanh niên

CHƯƠNG TRÌNH 2: ĐỐI THOẠI VỚI LÃNH ĐẠO KHOA, NHÀ TRƯỜNG (HÀNG NĂM)

Chương Trình "**Đối Thoại với Lãnh Đạo Khoa, Nhà Trường**" là một sáng kiến có mục

đích chính là tạo cơ hội cho sinh viên gặp gỡ, giao lưu, và chia sẻ ý kiến với các lãnh đạo của khoa và nhà trường. Chương trình này hướng tới việc xây dựng một cầu nối mạnh mẽ giữa sinh viên và lãnh đạo, thúc đẩy sự hiểu biết và tương tác tích cực trong cộng đồng học thuật. Chương trình hứa hẹn mang lại những cơ hội quý báu cho sinh viên được giới thiệu với mục tiêu phát triển của khoa và nhà trường, từ những chiến lược lớn đến những thay đổi cụ thể trong quá trình học tập. Trong buổi gặp gỡ thông tin, các lãnh đạo sẽ chia sẻ về bản thân mình, mục tiêu của khoa, và những dự định quan trọng trong tương lai.

Chương trình còn đặt ra một diễn đàn ý kiến và đề xuất, nơi sinh viên có thể thoải mái thảo luận và đưa ra ý kiến, đề xuất về những điểm cần cải thiện hoặc những dự án mới mà có thể làm cho khoa, trường trở nên tốt hơn. Các lãnh đạo sẽ lắng nghe và đưa ra phản hồi xây dựng, tạo nên một quy trình tương tác tích cực và ý nghĩa. Cuối cùng, thông qua các sự kiện giao lưu và kết nối, chương trình không chỉ là nơi sinh viên có thể gặp gỡ lãnh đạo khoa và nhà trường mà còn tạo điều kiện cho sự giao tiếp mở cửa và thân thiện. Tất cả những hoạt động này đều hứa hẹn tạo ra một môi trường học tập tích cực và tăng cường sự kết nối giữa sinh viên và nhà trường, góp phần vào sự phát triển liên tục của cộng đồng học thuật.

Đơn vị thực hiện: Đoàn thanh niên

CHƯƠNG TRÌNH 3: CUỘC THI “THIẾT KẾ KHÔNG GIAN HỌC TẬP HIỆU QUẢ”

Cuộc thi “*Thiết Kế Không Gian Học Tập Hiệu Quả*” là một sân chơi sáng tạo dành cho sinh viên để thể hiện khả năng thiết kế và tư duy sáng tạo của mình trong việc xây dựng không gian học tập hiệu quả và tích cực. Chương trình không chỉ là cơ hội để sinh viên thể hiện sự sáng tạo trong việc tạo ra môi trường học tập tốt nhất mà còn là dịp để họ thực hiện ý tưởng và năng lực tạo dựng nên không gian học tập lý tưởng.

PHẦN D: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối với các đơn vị đào tạo

– Nghiên cứu chương trình đào tạo: Đầu tiên, nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để hiểu rõ yêu cầu về nội dung và mục tiêu của chương trình. Điều này sẽ giúp Khoa tổ chức và triển khai chương trình một cách chính xác và hiệu quả.

– Phân công giảng viên phụ trách: Phân công giảng viên phụ trách từng học phần trong chương trình. Đảm bảo rằng mỗi học phần được giao cho giảng viên có kiến thức và kỹ năng tương ứng. Cung cấp cho giảng viên chương trình chi tiết để họ có thể chuẩn bị và truyền đạt nội dung đúng và chất lượng.

– Chuẩn bị đội ngũ cố vấn học tập: Đảm bảo đội ngũ cố vấn học tập có hiểu biết sâu về toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Cố vấn học tập cần có khả năng hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần và hiểu rõ quy định về các học phần tiên quyết, học phần học trước. Đào tạo và cung cấp cho cố vấn học tập đầy đủ thông tin và tài liệu để họ có thể hỗ trợ

sinh viên một cách hiệu quả.

- Chuẩn bị tài liệu và cơ sở vật chất: Đảm bảo có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo và cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy. Điều này bao gồm cả phòng học, thiết bị, phần mềm và các tài liệu học tập cần thiết. Đảm bảo rằng tài liệu và cơ sở vật chất đáp ứng đủ yêu cầu và chất lượng để hỗ trợ quá trình đào tạo.

- Chú trọng tính logic và tiếp thu kiến thức: Trong quá trình truyền đạt kiến thức, hãy chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức. Xác định các học phần tiên quyết và quy định rõ ràng về sự liên kết giữa các học phần bắt buộc. Điều này giúp đảm bảo sinh viên hiểu và học tập một cách có hệ thống và logic.

- Đánh giá và cải tiến: Theo dõi quá trình thực hiện chương trình đào tạo và thu thập phản hồi từ sinh viên và giảng viên. Đánh giá kết quả học tập và hiệu quả của chương trình. Dựa trên phản hồi và đánh giá, thực hiện các cải tiến và điều chỉnh cần thiết để nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

2. Đối với giảng viên

- Nghiên cứu nội dung đề cương chi tiết: Khi được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần, giảng viên phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết của từng học phần. Điều này giúp giảng viên hiểu rõ về mục tiêu, nội dung và yêu cầu của học phần. Dựa trên đó, giảng viên có thể chuẩn bị bài giảng và các phương tiện dạy học phù hợp.

- Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo và slide bài giảng: Đảm bảo có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo để hỗ trợ quá trình giảng dạy. Xây dựng slide bài giảng để trình bày nội dung một cách rõ ràng và hấp dẫn. Tài liệu và slide bài giảng cần được cung cấp hoặc giới thiệu cho sinh viên để họ có thể nắm vững kiến thức và chuẩn bị cho quá trình học tập.

- Hướng dẫn sinh viên về phương pháp học tập hiệu quả: Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên về các phương pháp học tập hiệu quả liên quan đến học phần đó. Giảng viên có thể chia sẻ các kỹ thuật học tập, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề và tổ chức thời gian hợp lý. Điều này giúp sinh viên nắm bắt kiến thức một cách tốt hơn và đạt kết quả học tập tốt.

- Hướng dẫn về nội dung đánh giá học phần: Giảng viên cần thông báo và hướng dẫn sinh viên về nội dung đánh giá của học phần, bao gồm các bài tập, bài kiểm tra, đồ án, hay các hình thức khác. Đảm bảo sinh viên hiểu rõ yêu cầu và tiêu chí đánh giá để họ có thể chuẩn bị và tham gia vào quá trình đánh giá một cách hiệu quả.

3. Đối với sinh viên

- Tham khảo ý kiến cố vấn học tập: Liên hệ và tham khảo ý kiến của cố vấn học tập để được tư vấn về việc lựa chọn các học phần phù hợp với tiến độ và mục tiêu học tập. Cố vấn học tập có thể giúp sinh viên xác định các học phần cần thiết và hướng dẫn về lịch trình học

tập.

– Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp: Trước khi tham gia các buổi học, nghiên cứu chương trình học tập, đề cương và tài liệu liên quan để sinh viên có thể tiếp thu bài giảng một cách hiệu quả. Điều này giúp sinh viên có kiến thức nền tảng và chuẩn bị tốt cho quá trình học tập.

– Tham gia lớp học đúng quy định: Đảm bảo sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học theo quy định của nhà trường. Lắng nghe và tập trung vào hướng dẫn và bài giảng của giảng viên. Ghi chú và tham gia vào các hoạt động trong lớp để tận dụng tối đa thời gian học tập.

– Tự giác và tích cực trong việc tự học và tự nghiên cứu: Tự học và tự nghiên cứu là yếu tố quan trọng để phát triển kiến thức và kỹ năng cá nhân. Hãy tự đặt mục tiêu học tập, xác định phương pháp học tập hiệu quả và quản lý thời gian một cách tỉ mỉ. Đặt sự tự giác và tích cực lên hàng đầu trong quá trình học tập.

– Khai thác tài nguyên trên mạng và trong thư viện: Sử dụng các tài nguyên trực tuyến như sách điện tử, bài giảng trực tuyến, tài liệu tham khảo và các nguồn thông tin trên mạng để nâng cao kiến thức và hiểu biết. Khám phá thư viện của trường và tận dụng các nguồn tài liệu và dịch vụ hỗ trợ có sẵn.

– Phải thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

– Trong suốt quá trình học, cố vấn học tập cùng Ban lãnh đạo Khoa, Bộ môn luôn đồng hành hỗ trợ về kế hoạch, lịch trình học, về chuyên môn qua mỗi học kỳ. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin của nhà Trường, cùng các Phòng, Ban đều hướng đến việc hỗ trợ cho hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên được tốt nhất.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PHỤ TRÁCH KHOA

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thuý Lan Chi

Phạm Thị Mộng Hằng